TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DSST

Ngày: 31/3/2020

V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Huỳnh Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLDS-ST, ngày 20/01/2020, về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B; trụ sở chính số A, đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

   Người đại diện theo pháp luật: Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

   Người đại diện theo ủy quyền:

   - Ông Lê Điền K - Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Vĩnh Long. (vắng mặt)
   - Bà T rần Thị Thúy A - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Vĩnh Long. (có mặt)

     (văn bản ủy quyền số: 385/2019/QĐ-LienVietPosBank.VL, ngày 01/8/2019)

2. ***Bị đơn:*** Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; hiện đang sinh sống tại K, đường P, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần B, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà T rần Thị Thúy A đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/4/2017, bà Huỳnh Thị Thùy T có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số: 1522.1/2017/VL-HĐTD; với số tiền vay 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay từ 04/4/2017 đến hết ngày 04/4/2022; lãi suất 14,25%/năm, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức thanh toán là hàng tháng trả tiền vốn 3.000.000đ và tiền lãi; mục đích vay để tiêu dùng, không tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán tiền vốn bằng 75.000.000đ và tiền lãi 15.399.556đ, sau đó không thanh toán nữa. Ngân hàng có đến làm việc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bà T vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 31/3/2020 bà T còn nợ tiền vốn gốc là 105.000.000đ và tiền lãi 15.399.556đ; tổng cộng bằng 120.399.556đ. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng, cho nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền 120.399.556đ.

Bị đơn Huỳnh Thị Thùy T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bà T không có bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tạm trú (hiện đang sinh sống) tại Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại tiền vốn vay và tiền lãi, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự "*Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 1522.1/2017/VL-HĐTD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cùng ngày 04/4/2017 thể hiện bà Huỳnh Thị Thùy T có vay số tiền 180.000.000đ là có thật. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Trong

quá trình giải quyết bà T không có ý kiến phản đối, cho nên khẳng định việc bà T có vay tiền của Ngân hàng là sự thật.

[3] Xét thấy, giữa bà T và Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, nên có giá trị thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận số tiền vốn 180.000.000đ và đã thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng đến ngày 10/4/2019 thì ngưng không thanh toán nữa. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà T còn nợ số tiền vốn bằng 105.000.000đ. Xét thấy việc bà T không thanh toán tiền cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, cho nên, Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền vốn bằng 150.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy: Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận việc trả lãi. Xét thấy sự thỏa thuận về lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, phù hợp khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Xét việc tính lãi của nguyên đơn là phù hợp pháp luật, cho nên, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi bằng 15.399.556đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 463 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cho nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 6.020.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bà Huỳnh Thị Thùy T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền vốn bằng 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền lãi làm tròn bằng 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng). Tổng cộng bằng 120.400.000đ (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).

2. Về án phí:

Buộc bà Huỳnh Thị Thùy T chịu 6.020.000đ (Sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền 3.136.000đ (Ba triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng) đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005131, ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2020), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Tấn Thành

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: Hồ sơ.